

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25/3/2021.

(V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Đức và bà Phan Thị Quế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:

Không tham gia.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L – sinh năm 1991. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Xóm 3, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Trần Đình T – sinh năm 1985. Vắng mặt lần thứ hai

Địa chỉ cư trú: Xóm 3, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Trần Đình T kết hôn vào ngày 13/9/2011 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận với nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình hai bên không phù hợp, bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung dẫn đến xích mích, cãi vã. Mâu thuẫn kéo dài đến đầu năm

2014 thì vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau cho đến nay. Bản thân chị L cũng như gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Hôn nhân ngày càng một bế tắc, chị L xác định tình cảm đối với anh T không còn, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Trần Đình T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Đình T, sinh ngày 29/8/2012 (giới tính nam). Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Đình T quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng anh T không có mặt để làm việc, do đó Tòa án không ghi được ý kiến cũng như tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị L và anh T. Song qua các tài liệu, chứng cứ do chị L cung cấp thì về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như chị L trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Trần Đình T có hộ khẩu thường trú tại xã Thọ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Đình T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị L và bị đơn anh Trần Đình T.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Trần Đình T có quá trình tìm hiểu, hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân giữa chị L, anh T là hợp pháp.

Sau ngày kết hôn vợ chồng chỉ sống hạnh phúc, hòa thuận với nhau một thời gian, sau đó thường xuyên xảy ra va chạm khiến tình cảm ngày càng rạn nứt. Chị L thừa nhận đã cố gắng níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng tình cảm chỉ xuất phát từ

một phía. Điều đó cho thấy mâu thuẫn đã ngày càng căng thẳng, kéo dài. Quá trình giải quyết Tòa án đã kiên trì vận động, thuyết phục nhưng nay chị L xác định tình cảm không còn nữa nên chị có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị L, anh T không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[2] Về nuôi con: Chị L, anh T có một con chung cháu Trần Đình T, sinh ngày 29/8/2012 (giới tính nam). Thời gian chị L, anh T sống ly thân con chung do chị L nuôi dưỡng, chị L hiện có việc làm thu nhập ổn định, mặt khác cháu Tài có đơn xin được ở với mẹ, do đó để không làm xáo trộn cũng như ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con chung, cần áp dụng Điều 81 luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Bùi Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là chính đáng, cần thiết. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng hàng tháng 3.000.000 đồng là cao chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 700.000 đồng.

[3] Về tài sản: Chị Bùi Thị L không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56; khoản 1 Điều 59; 81; 82; 83; 110 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L

Về hôn nhân:Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Trần Đình T.

Về con chung: Giao cháu Trần Đình T, sinh ngày 29/8/2012 (giới tính nam) cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Trần Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Bùi Thị L hàng tháng số tiền 700.000 đồng đến lúc con thành niên. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nêu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi

hành án.

Anh Trần Đình T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí:

Buộc chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị L được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0054144 ngày 18/12/2020. Chị L đã nộp đủ án phí. Anh Trần Đình T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã (ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Nhung